

Phần I : Mở đầu

Theo đánh giá của V.I Lênin, lí luận giá trị thặng dư là “hòn đá tảng của học thuyết kinh tế của Mác” và học thuyết kinh tế của C. Mác là “nội dung căn bản của chủ nghĩa Mác”. Để đạt mục đích làm giàu tối đa của mình nhà tư bản đã mua sức lao động của công nhân kết hợp với tư liệu sản xuất để sản xuất ra sản phẩm, thu về giá trị thặng dư . Nhưng nhà tư bản bao giờ cũng chỉ trả một phần giá trị sức lao động cho người công nhân thông qua hình thức tiền lương và bóc lột giá trị thặng dư do người công nhân sáng tạo ra trong quá trình sản xuất.

Trong xã hội tư bản, mối quan hệ giữa tư bản và lao động là mối quan hệ cơ bản, sâu sắc nhất, xuyên qua tất cả các quan hệ sản xuất của xã hội đó. Giá trị thặng dư, phần giá trị do lao động của công nhân làm thuê sáng tạo ra ngoài sức lao động và bị nhà tư bản chiếm không, phản ánh mối quan hệ cơ bản nhất đó. Giá trị thặng dư do lao động không công của công nhân làm thuê sáng tạo ra là nguồn gốc làm giàu của giai cấp các nhà tư bản, sản xuất ra giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại của chủ nghĩa tư bản. Toàn bộ hoạt động của nhà tư bản hướng đến tăng cường việc tạo ra giá trị thặng dư thông qua hai phương pháp cơ bản là tạo ra giá trị thặng dư tuyệt đối và tạo ra giá trị thặng dư tương đối.

Do vậy, sản xuất ra giá trị thặng dư tối đa cho nhà tư bản là nội dung chính của quy luật giá trị thặng dư. Nó tác động đến mọi mặt của xã hội tư bản. Nó quyết định sự phát sinh, phát triển của chủ nghĩa tư bản và sự thay thế nó bằng một xã hội khác cao hơn, là quy luật vận động của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Việc nghiên cứu phạm trù giá trị thặng dư và các phương pháp sản xuất ra giá trị thặng dư có ý nghĩa quan trọng, là chìa khóa dẫn đến

những vấn đề khác trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chính vì vậy, tôi đã mạnh dạn chọn đề tài: **“Sản xuất giá trị thặng dư, quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản”** cho bài tiểu luận của mình.

Do thời gian có hạn, nên bài viết không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định. Vậy tôi kính mong các quý thầy cô và các bạn đóng góp ý kiến để bài viết được hoàn chỉnh hơn.

TaiLieu.vn

Phần II

Lí luận về giá trị thặng dư

I- Phạm trù giá trị thặng dư:

1- Sự chuyển hoá tiền tệ thành tư bản:

Mọi tư bản lúc đầu đều biểu hiện dưới hình thái một số tiền nhất định. Nhưng bản thân tiền không phải là tư bản, mà tiền chỉ biến thành tư bản khi được sử dụng để bóc lột lao động của người khác.

Nếu tiền được dùng để mua bán hàng hoá thì chúng là phương tiện giản đơn của lưu thông hàng hoá và vận động theo công thức: Hàng- Tiền- Hàng(H-T-H), nghĩa là sự chuyển hoá của hàng hoá thành tiền tệ, rồi tiền tệ lại chuyển hoá thành hàng. Còn tiền với tư cách là tư bản thì vận động theo công thức: Tiền - Hàng - Tiền (T-H-T), tức là sự chuyển hoá tiền thành hàng và sự chuyển hoá ngược lại của hàng thành tiền. Bất cứ tiền nào vận động theo công thức T-H-T đều được chuyển hoá thành tư bản.

Do mục đích của lưu thông hàng hoá giản đơn là giá trị sử dụng nên vòng lưu thông chấm dứt ở giai đoạn hai. Khi những người trao đổi đã có được giá trị sử dụng mà người đó cần đến. Còn mục đích lưu thông của tiền tệ với tư cách là tư bản không phải là giá trị sử dụng, mà là giá trị, hơn nữa là giá trị tăng thêm. Vì vậy nếu số tiền thu bằng số tiền ứng ra thì quá trình vận động trở nên vô nghĩa. Do đó, số tiền thu về phải lớn hơn số tiền ứng ra, nên công thức vận động đầy đủ của tư bản là: T-H-T', trong đó $T' = T + \Delta T$. ΔT là số tiền trội hơn so với số tiền ứng ra, C. Mác gọi là giá trị thặng dư. Số tiền ứng ra ban đầu chuyển hoá thành tư bản. Vậy tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư. Mục đích của lưu thông T-H-T' là sự lớn lên của giá trị, là giá trị thặng dư, nên sự vận

động T-H-T' là không có giới hạn, vì sự lớn lên của giá trị là không có giới hạn.

Sự vận động của mọi tư bản đều biểu hiện trong lưu thông theo công thức T-H-T', do đó công thức này được gọi là công thức chung của tư bản.

Tiền ứng trước, tức là tiền đưa vào lưu thông, khi trở về tay người chủ của nó thì thêm một lượng nhất định (ΔT). Vậy có phải do bản chất của lưu thông đã làm cho tiền tăng thêm, và do đó mà hình thành giá trị thặng dư hay không?

Các nhà kinh tế học tư sản thường quả quyết rằng sự tăng thêm đó là do lưu thông hàng hoá sinh ra. Sự quả quyết như thế là không có căn cứ.

Thật vậy, trong lưu thông nếu hàng hoá được trao đổi ngang giá thì chỉ có sự thay đổi hình thái của giá trị, còn tổng số giá trị, cũng như phần giá trị thuộc về mỗi bên trao đổi là không đổi. Về mặt giá trị sử dụng, trong trao đổi cả hai bên đều không có lợi gì. Như vậy, không ai có thể thu được từ lưu thông một lượng giá trị lớn hơn lượng giá trị đã bỏ ra (tức là chưa tìm thấy nguồn gốc sinh ra ΔT).

C.Mác cho rằng trong xã hội tư bản không có bất kì một nhà tư bản nào chỉ đóng vai trò là người bán sản phẩm mà lại không phải là người mua các yếu tố sản xuất. Vì vậy khi anh ta bán hàng hoá cao hơn giá trị vốn có của nó, thì khi mua các yếu tố sản xuất ở đầu vào các nhà tư bản khác cũng bán cao hơn giá trị và như vậy cái được lợi khi bán sẽ bù cho cái thiệt hại khi mua. Cuối cùng vẫn không tìm thấy nguồn gốc sinh ra ΔT .

Nếu hàng hoá được bán thấp hơn giá trị, thì số tiền mà người đó sẽ được lợi khi là người mua cũng chính là số tiền mà người đó sẽ mất đi

khi là người bán. Như vậy việc sinh ra ΔT không thể là kết quả của việc mua hàng thấp hơn giá trị của nó.

Mác lại giả định rằng trong xã hội tư bản có một loại nhà tư bản rất lưu manh và xảo quyệt, khi mua các yếu tố sản xuất thì rẻ, còn khi bán thì đắt. Điều này chỉ giải thích được sự làm giàu của những thương nhân cá biệt chứ không thể giải thích được sự làm giàu của tất cả giai cấp tư sản, vì tổng số giá trị trước lúc trao đổi cũng như trong và sau khi trao đổi đều không thay đổi mà chỉ có sự thay đổi trong việc phân phối giá trị giữa những người trao đổi mà thôi. Và Mác kết luận rằng đây chẳng qua là hành vi móc túi lẫn nhau giữa các nhà tư bản trong cùng giai cấp.

Vậy từ ba trường hợp cụ thể trong lưu thông Mác cho rằng: Trong lưu thông không thể tạo ra giá trị và giá trị thặng dư vì vậy không thể là nguồn gốc sinh ra ΔT .

Ở ngoài lưu thông Mác xem xét cả hai yếu tố là hàng hoá và tiền tệ:

Đối với hàng hoá ngoài lưu thông: Tức là đem sản phẩm tiêu dùng hay sử dụng và sau một thời gian tiêu dùng nhất định thì thấy cả giá trị sử dụng và giá trị của sản phẩm đều biến mất theo thời gian.

Đối với yếu tố tiền tệ: Tiền tệ ở ngoài lưu thông là tiền tệ nằm im một chỗ. Vì vậy không có khả năng lớn lên để sinh ra ΔT .

Vậy ngoài lưu thông khi xem xét cả hai yếu tố hàng hoá và tiền tệ đều không tìm thấy nguồn gốc sinh ra ΔT .

“ Vậy là tư bản không thể xuất hiện từ lưu thông và cũng không thể xuất hiện ở bên ngoài lưu thông. Nó phải xuất hiện trong lưu thông và đồng thời không phải trong lưu thông” (C.Mác: Tư bản. NXB Sự thật, HN, 1987, Q1, tập 1, tr 216). Đó là mâu thuẫn của công thức chung của tư bản.

Khi Mác trở lại lưu thông lần thứ hai và lần này Mác đã phát hiện ra rằng: ở trong lưu thông người có tiền là nhà tư bản phải gặp được một người có một thứ hàng hoá đặc biệt đem bán, mà thứ hàng hoá đó khi đem tiêu dùng hay sử dụng nó có bản tính sinh ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó, hàng hoá đặc biệt đó chính là sức lao động.

2- Hàng hoá - sức lao động:

Số tiền chuyển hoá thành tư bản không thể tự làm tăng giá trị mà phải thông qua hàng hoá được mua vào (T-H). Hàng hoá đó phải là một thứ hàng hoá đặc biệt mà giá trị sử dụng của nó có đặc tính là nguồn gốc sinh ra giá trị. Thứ hàng hoá đó là sức lao động mà nhà tư bản đã tìm thấy trên thị trường.

Như vậy, sức lao động là toàn bộ thể lực và trí lực tồn tại trong cơ thể con người, thể lực và trí lực mà người đó đem ra vận dụng trong quá trình sản xuất ra một giá trị sử dụng.

Không phải bao giờ sức lao động cũng là hàng hoá, mà sức lao động chỉ biến thành hàng hoá trong những điều kiện lịch sử nhất định.

C.Mác đã nhấn mạnh sức lao động chỉ trở thành hàng hoá khi có đủ hai điều kiện tiên đề:

Một là, người lao động phải tự do về thân thể, phải làm chủ được sức lao động của mình và có quyền đem bán cho người khác. Vậy người có sức lao động phải có quyền sở hữu sức lao động của mình.

Hai là, người lao động phải tước hết tư liệu sản xuất để trở thành người vô sản và bắt buộc phải bán sức lao động, vì không còn cách nào khác để sinh sống.

Sự tồn tại đồng thời hai điều kiện nói trên tất yếu dẫn đến chỗ sức lao động biến thành hàng hoá là điều kiện chủ yếu quyết định của sự chuyển hoá tiền thành tư bản.

Cũng như những hàng hoá khác, hàng hoá - sức lao động cũng có hai thuộc tính là giá trị và giá trị sử dụng.

Giá trị của hàng hoá sức lao động là giá trị của những tư liệu sinh hoạt cần thiết để nuôi sống người công nhân, vợ con anh ta; những yếu tố tinh thần, dân tộc, tôn giáo của người công nhân, những chi phí đào tạo người công nhân.

Giá trị hàng hoá sức lao động giống giá trị hàng hoá thông thường ở chỗ: Nó phản ánh một lượng lao động hao phí nhất định để tạo ra nó. Nhưng giữa chúng có sự khác nhau căn bản: Giá trị của hàng hoá thông thường biểu thị hao phí lao động trực tiếp để sản xuất hàng hoá nhưng hàng hoá - sức lao động lại là sự hao phí lao động gián tiếp thông qua việc sản xuất ra những vật phẩm tiêu dùng để nuôi sống người công nhân. Còn hàng hoá sức lao động ngoài yếu tố vật chất, nó còn có yếu tố tinh thần lịch sử, dân tộc, yếu tố gia đình và truyền thống, nghề nghiệp mà hàng hoá thông thường không có.

Cũng giống như các hàng hoá thông thường, hàng hoá sức lao động có khả năng thoả mãn những nhu cầu nhất định nào đó của người mua. Nhưng giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động có thuộc tính đặc biệt, nó khác hoàn toàn với hàng hoá thông thường ở chỗ: Khi đem tiêu dùng hay sử dụng nó thì không những không bị tiêu biến theo thời gian về giá trị và giá trị sử dụng mà ngược lại nó lại tạo ra một lượng giá trị mới $c + m$ ($c + m > v$, với v là giá trị sử dụng của bản thân nó). Khoản lớn lên được sinh ra trong quá trình sử dụng sức lao động chính là ΔT hay giá trị thặng dư.